

Bản án số: 53/2019/HS-PT
Ngày 19 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Hồng Kông – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 25/2019/TLPT-HS ngày 21 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Trần Trúc L; do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2018/HS-ST ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

Họ và tên: Trần Trúc L, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q và bà Nguyễn Thị H; chồng: Hồng Minh N; con: 01 người; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày: 12.8.2016; cho bảo lãnh ngày: 09/3/2017; bị cáo tại ngoại có mặt.

- Những người tham gia tố tụng có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo:

Các bị hại có kháng cáo:

01. Ông Đỗ Minh T, sinh năm 1953 (có mặt).

02. Ông Đỗ Chí T1, sinh năm 1950 (có mặt).

03. Bà Phan Thị C, sinh năm 1974 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

04. Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1978 (có mặt).

05. Bà Ngô Thị T2, sinh năm 1967 (có mặt).

06. Bà Dương Mộng T3, sinh năm 1978 (có mặt).

07. Bà Châu Thị C1, sinh năm 1972; ủy quyền cho Ngô Thị T2 (có mặt).

08. Bà Lâm Như Y, sinh năm 1985; ủy quyền cho Phan Thị D (có mặt).

09. Bà Nguyễn Thùy G, sinh năm 1982 (có mặt).

10. Bà Lê Thúy H, sinh năm 1980 (có mặt).

11. Bà Phan Thị D, sinh năm 1959; đại diện theo ủy quyền cho ông Lâm Văn T4, sinh năm 1953 (có mặt).

12. Bà Trần Thị N1, sinh năm ... (vắng mặt).

13. Bà Ngô Thúy L, sinh năm 1977; ủy quyền cho Ngô Thị T2 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

14. Ông Nguyễn Chí T5 (Văn T5), sinh năm 1981; ủy quyền cho Bùi Văn T6 (có mặt).

15. Bà Võ Thị H2, sinh năm 1961 (có mặt).

16. Ông Trần Văn D, sinh năm 1972 (có mặt).

17. Ông Bùi Văn N1, sinh năm 1980; ủy quyền cho Nguyễn Thị L (có mặt).

18. Ông Nguyễn Ngọc G3, sinh năm 1977; ủy quyền cho Ngô Thị T2 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

19. Bà Châu Bé B, sinh năm 1983; ủy quyền cho bà Ngô Thị T2 (có mặt).

20. Bà Huỳnh Hồng P, sinh năm 1970; ủy quyền cho Ngô Thị T2 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

21. Bà Phạm Thị N1, sinh năm 1954 (có mặt).

22. Bà Huỳnh Thị T7, sinh năm 1980 (có mặt).

23. Ông Ngô Văn N2, sinh năm 1981 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

24. Bà Đinh Thị Huỳnh G1, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (có mặt).

25. Ông Lư Văn Đ, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Số 70, đường Tạ Uyên, khóm 1, phường 9, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Các bị hại không kháng cáo (Tòa án không triệu tập):

01. Ông Trần Văn Đ2, sinh năm ...; địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

02. Ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1948

03. Bà Nguyễn Thị T8, sinh năm 1946

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

04. Châu Văn N4, sinh năm ...

05. Ông Lâm Thanh C2, sinh năm 1959

06. Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1975

07. Bà Đinh Thùy N5, sinh năm 1982

08. Ông Lâm Thành D1, sinh năm 1980

09. Bà Lâm Thị K1, sinh năm 1982

10. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm ...

11. Ông Nguyễn Phú H3, sinh năm ...

12. Bà Huỳnh Thị Út E, sinh năm ...

13. Bà Phan Ngọc Đ2, sinh năm 1969

14. Bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1969

15. Bà Phạm Thị P2, sinh năm 1960

16. Bà Châu Bích N6, sinh năm 1978.

17. Ông Nguyễn Văn N7, sinh năm 1982

18. Bà Lê Thị U, sinh năm 1980
19. Bà Nguyễn Tuyết P3, sinh năm 1976
20. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1979
21. Bà Lê Thị B, sinh năm 1953
22. Bà Ngô Thanh K2, sinh năm 1972
- Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.
23. Ông Trần Văn B1, sinh năm ...
24. Bà Võ Thúy P4, sinh năm 1956
25. Chị Trần Thúy H3, sinh năm 1987
26. Chị Trần Thúy A, sinh năm 1996
27. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1976
28. Bà Trần Huỳnh G3, sinh năm 1986
29. Ông Trần Văn L1, sinh năm 1981
30. Ông Phan Văn X (S), sinh năm 1979
31. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1960
32. Bà Nguyễn Thị N7, sinh năm ...
33. Ông Nguyễn Văn T9, sinh năm ...
34. Bà Phan Mỹ C, sinh năm 1981
- Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.
35. Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm ...
36. Bà Nguyễn Cẩm T10, sinh năm ...
37. Bà Trần Mỹ D, sinh năm ...
38. Bà Trần Thu T, sinh năm 1972
- Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.
39. Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1984.
40. Bà Dương Tuyết N8, sinh năm 1969.
41. Bà Nguyễn Mộng T11, sinh năm 1975.
- Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.
42. Ông Võ Văn T12, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Ấp 10, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.
43. Bà Ngô Tuyết H5, sinh năm ...
44. Ông Huỳnh Văn T12, sinh năm 1944
- Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 11, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.
45. Bà Trần Thị P4, sinh năm ...; địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn U Minh, huyện U, tỉnh Cà Mau.
46. Ông Trần Văn G4, sinh năm 1974
47. Bà Trần Thị P5, sinh năm 1982
- Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn U Minh, huyện U, tỉnh Cà Mau.
48. Bà Hồng Ngọc T13, sinh năm ...
49. Bà Hồng Ngọc M2, sinh năm 1984
50. Bà Hồng Thị S2, sinh năm 1976
51. Bà Thái Bé S4, sinh năm 1955
- Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U, tỉnh Cà Mau;
52. Ông Nguyễn Văn H6, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã K, huyện

U, tỉnh Cà Mau;

53. Bà Huỳnh Thị C3, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau;

54. Ông Phan Quốc T14, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp 5, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

01. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959 (vắng mặt).

02. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1952 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

03. Anh Hồng Minh N, sinh năm 1980; địa chỉ: Khóm 3, thị trấn U Minh, huyện U, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại có: Luật sư, Từ Kim P5, Văn phòng Luật sư Lê Anh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho tất cả 25 bị hại có kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 01/4/2012 (âl) đến ngày 06/01/2014 (âl), Trần Trúc L mở và làm chủ nhiều dây hội tháng số tiền từ 1.000.000đ đến 5.000.000đ/chân/tháng. Việc chơi hội có làm hợp đồng bằng văn bản, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K, huyện U. Khi mở hội thỏa thuận: Chủ hội được hưởng huê hồng 50% số tiền của 1 chân/lần khai, do người hốt trả, nếu có hội viên giật hội chủ hội phải bù vào. Hình thức khai hội mỗi tháng 01 lần, có danh sách giao cho từng hội viên. Khi khai hội có bỏ thăm, ai bỏ số tiền cao nhất được hốt, chậm nhất 10 ngày chủ hội giao đủ tiền cho hội viên hốt hội. Tính đến thời điểm tuyên bố bế hội (tháng 9/2014 âl), Trần Trúc L còn làm chủ tất cả 07 dây hội tháng gồm:

- Dây hội mở ngày 01/4/2012 (âl), loại hội 5.000.000đ/chân, tổng số 46 chân, đã khai được 31 kỳ, còn lại 15 kỳ.

- Dây hội mở ngày 07/5/2012 (âl), loại hội 1.000.000đ/chân, tổng số 30 chân, đã khai 29 kỳ, còn lại 01 kỳ.

- Dây hội mở ngày 25/10/2012 (âl), loại hội 3.000.000đ/chân, tổng số 26 chân, đã khai 23 kỳ, còn lại 03 kỳ.

- Dây hội mở ngày 09/02/2013 (âl), loại hội 5.000.000đ/chân, tổng số 29 chân, đã khai 20 kỳ, còn lại 09 kỳ.

- Dây hội mở ngày 04/6/2013 (al), loại hội 3.000.000đ/chân, tổng số 31 chân, đã khai 16 kỳ, còn lại 15 kỳ.

- Dây hội mở ngày 15/11/2013 (al), loại hội 5.000.000đ/chân, tổng số 31 chân, đã khai 11 kỳ, còn lại 20 kỳ.

- Dây hội mở ngày 06/01/2014 (âl), loại hội 2.000.000đ/chân, tổng số 27 chân, đã khai 09 kỳ, còn lại 18 kỳ.

Quá trình làm chủ 07 dây hội trên, Trần Trúc L đã dùng thủ đoạn gian dối trong việc tự ý lấy tên hội viên và đưa tên không hội viên vào danh sách các dây

hội để bỏ hốt, chiếm đoạt trong 6 dây hội tổng số tiền theo cáo trạng truy tố 281.620.000đ. Cụ thể như sau:

1. Hành vi tự ý dùng tên hội viên bỏ thăm hốt 03 chân hội, chiếm đoạt số tiền 206.270.000 đồng gồm:

- Dây hội mở ngày 25/10/2012 (âl), loại 3.000.000đ, 26 chân: Bà Lê Thúy H tham gia 01 chân. Trần Trúc L dùng tên trong hội của bà H (Khánh Dầu) bỏ 900.000đ, hốt ở kỳ 21 (tháng 6/2014 âl). Hội sống còn 06 chân, mỗi chân phải đóng 2.100.000đ, bằng tiền 12.600.000đ. Hội chết 20 chân, mỗi chân phải đóng 3.000.000đ, bằng tiền 60.000.000đ. Tổng số tiền hốt hội là 72.600.000đ, nhưng thực tế nhận được 60.600.000đ vì có 04 chân hội chết không đóng hội 12.000.000đ. Trần Trúc L đã đóng bù chân hội cho bà H đến kỳ 23 số tiền 4.460.000đ, còn lại 03 kỳ thì vỡ hội, số tiền chiếm đoạt là 56.140.000đ.

- Dây hội mở ngày 09/02/2013 (âl), loại 5.000.000đ, 29 chân: Ông Nguyễn Ngọc G3 tham gia 02 chân. Trần Trúc L dùng tên trong hội của ông G3 (Lan Giào) bỏ 2.900.000đ, hốt 01 chân ở kỳ thứ 13 (tháng 02/2014). Hội sống còn 17 chân, mỗi chân phải đóng 2.100.000đ, bằng tiền 35.700.000đ. Hội chết còn 12 chân, mỗi chân phải đóng 5.000.000đ, bằng tiền 60.000.000đ. Tổng số tiền hốt hội là 95.700.000đ nhưng thực tế nhận được 75.700.000đ, vì có 04 chân hội chết không đóng 20.000.000đ. Trần Trúc L đã đóng bù chân hội cho ông G3 được 05 kỳ số tiền 13.070.000đ, số tiền chiếm đoạt là 62.630.000đ.

- Dây hội mở ngày 15/11/2013 (âl), loại 5.000.000đ, 31 chân: Ông Nguyễn Văn N8 tham gia 01 chân. Trần Trúc L dùng tên trong hội của ông N8 (6 N8) bỏ 2.500.000đ, hốt ở kỳ thứ 11 (tháng 9/2014). Hội sống còn 21 chân, mỗi chân phải đóng 2.500.000đ, bằng tiền 52.500.000đ. Hội chết còn 10 chân, mỗi chân phải đóng 5.000.000đ, bằng tiền 50.000.000đ. Tổng số tiền hốt hội là 102.500.000đ, nhưng thực tế nhận được 87.500.000đ, vì có 03 chân hội chết không đóng 15.000.000đ, số tiền chiếm đoạt là 87.500.000đ.

2. Hành vi tự ý đưa tên không vào danh sách để bỏ thăm hốt 04 chân, ở 03 dây hội, chiếm đoạt 75.350.000 đồng gồm:

- Dây hội mở ngày 01/4/2012 (âl), loại 5.000.000đ, 46 chân: Trần Trúc L tự ý đưa tên Nguyễn Văn N8 (6 N8) tham gia 01 chân, bỏ 2.500.000đ, hốt ở kỳ thứ 11 (tháng 02/2013 âl). Hội sống còn 35 chân, mỗi chân phải đóng 2.500.000đ, bằng tiền 87.500.000đ. Hội chết còn 10 chân, mỗi chân phải đóng 5.000.000đ, bằng tiền 50.000.000đ (không lừa đảo những người này). Trần Trúc L đóng lại hội chết đến khi vỡ hội được 20 kỳ, số tiền chiếm đoạt của hội viên ở 15 kỳ chưa khai là 37.500.000đ.

- Dây hội mở ngày 07/5/2012 (âl), loại 1.000.000đ, 30 chân: Trần Trúc L tự ý đưa tên Lê Thị Bảy (Cô 7) tham gia 01 chân, bỏ 350.000đ, hốt ở kỳ thứ 13 (tháng 05/2013 âl). Hội sống còn 17 chân, mỗi chân phải đóng 650.000đ, bằng tiền 11.050.000đ. Hội chết còn 12 chân, mỗi chân phải đóng 1.000.000đ, bằng tiền 12.000.000đ (không lừa đảo những người này). Trần Trúc L đóng lại hội chết đến

khi vỡ hụi được 16 kỳ, chiếm đoạt của hụi viên Phạm Thị N1 ở kỳ chưa khai số tiền 650.000đ.

- Dây hụi mở ngày 04/6/2013 (âl), loại 3.000.000đ, 31 chân: Trần Trúc L tự ý đưa tên Chế Thi tham gia 02 chân.

+ Chân thứ nhất: Bỏ 1.650.000đ, hốt ở kỳ thứ 8 (tháng 01/2014 âl). Hụi sống còn 23 chân (trong đó có của bị cáo 02 chân, không 01 chân tên Chế Thi), mỗi chân phải đóng 1.350.000đ, số tiền hốt được của 20 chân là 27.000.000đ. Hụi chết có 07 chân, số tiền phải đóng 21.000.000đ (không lừa đảo những người này). Trần Trúc L đóng lại hụi chết đến kỳ thứ 16 thì vỡ hụi, chiếm đoạt ở 15 chân hụi, của 13 hụi viên chưa hốt hụi, số tiền là 20.250.000đ.

+ Chân thứ hai: Bỏ 1.870.000đ, hốt ở kỳ thứ 11 (tháng 4/2014 âl). Hụi sống còn 20 chân (trong đó có của bị cáo 01 chân), mỗi chân phải đóng 1.130.000đ, số tiền hốt được của 19 chân là 21.470.000đ. Hụi chết có 10 chân (trừ 01 chân bị cáo hốt tên Chế Thi), số tiền phải đóng 27.000.000đ (không lừa đảo những người này). Trần Trúc L đóng lại hụi chết đến kỳ thứ 15 thì vỡ hụi, chiếm đoạt ở 15 chân hụi, của 13 hụi viên chưa hốt hụi, số tiền là 16.950.000đ.

Ngoài ra Trần Trúc L còn có hành vi mượn các chân hụi của các hụi viên: Hồng Ngọc M, Hồng Ngọc T, Hồng Ngọc S, Trần Văn G, Trần Huỳnh G, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị M, Châu Bé B để bỏ thăm hốt hụi. Cáo trạng Viện kiểm sát và bản án kết luận là giao dịch dân sự, không có dấu hiệu tội phạm.

Trách nhiệm dân sự trong vụ án hình sự, bản án sơ thẩm xác định người bị hại không yêu cầu gồm: Lê Thị U, Huỳnh Hồng P, Huỳnh Thị P4, Châu Văn N4, Nguyễn Thị T8, Hồng Ngọc M2, Hồng Ngọc Tỹ, Hồng Ngọc S2, Dương Tuyết N8, Huỳnh Hồng T7, Nguyễn Thị H.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện U căn cứ khoản 3 Điều 139; điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự (1999); khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án quyết định:

Tuyên xử Trần Trúc L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; xử phạt Trần Trúc L 07 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam từ 12/8/2016 đến 09/3/2017.

Buộc Trần Trúc L cùng Hồng Minh N có trách nhiệm liên đới trả cho 28 bị hại tổng số tiền 161.300.000đ. Cụ thể từng người là:

1. Phạm Thị C	2.100.000đ.
2. Nguyễn Thùy G	2.100.000đ.
3. Trần Văn D	8.930.000đ.
4. Đinh Thùy N	5.500.000đ.
5. Ngô Thị T2	6.450.000đ.
6. Đinh Thị Huỳnh G1	7.100.000đ.
7. Lâm Như Y	4.600.000đ.
8. Nguyễn Văn U	16.660.000đ.
9. Nguyễn Ngọc G3	12.990.000đ.

10. Đỗ Chí T1	2.100.000đ.
11. Lư Văn Đ	2.100.000đ.
12. Ngô Văn N2	2.100.000đ.
13. Phan Văn S	2.100.000đ.
14. Phạm Thị N1	13.160.000đ.
15. Đỗ Minh T	4.980.000đ.
16. Dương Mộng T3	4.980.000đ.
17. Lâm Thành D	2.500.000đ.
18. Lâm Văn T4	7.500.000đ.
19. Lâm Thanh C	2.500.000đ.
20. Bùi Văn N1	7.500.000đ.
21. Châu Thị C1	7.480.000đ.
22. Lê Thúy H	2.500.000đ.
23. Võ Văn T	2.500.000đ.
24. Võ Thúy P	3.850.000đ.
25. Nguyễn Chí T5	2.500.000đ.
26. Phan Thị D	2.480.000đ.
27. Châu Bích N	2.480.000đ.
28. Huỳnh Thị T7	2.480.000đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo pháp luật quy định.

Ngày 23/11/2018, bị cáo Trần Trúc L có đơn kháng cáo yêu cầu: Về hình sự được giảm nhẹ hình phạt. Lý do án sơ thẩm chưa áp dụng T5 tiết giảm nhẹ người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chưa áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 1999 để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Về dân sự xem xét lại số tiền đã trả xong cho Đinh Thùy N 5.500.000đ, Phan Văn Sinh 2.100.000đ, Võ Văn T 2.500.000đ, Võ Thúy P 3.850.000đ và chỉ nợ Đinh Thị Huỳnh G1 2.500.000đ.

1. Ngày 03/12/2018, bị hại Châu Bé B có đơn kháng cáo (không dự nộp án phí): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 50.500.000đ.

2. Ngày 29/11/2018 bị hại Lư Văn Đ có đơn kháng cáo (Biên lai nộp án phí số 0004168, ngày 11/01/2019): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 100.000.000đ.

3. Ngày 29/11/2018, bị hại Ngô Thúy L có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004146, ngày 28/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 18.000.000đ.

4. Ngày 28/11/2018, bị hại Nguyễn Văn U có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004148, ngày 28/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 1.126.000.000đ – 456000.000đ – 16.660.000đ = 653.340.000đ.

5. Ngày 29/11/2018, bị hại Nguyễn Chí T5 (Văn T5) có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004153, ngày 28/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 155.000.000đ.

6. Ngày 29/11/2018, bị hại Nguyễn Ngọc G3 có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004152, ngày 28/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 384.000.000đ.

7. Ngày 28/11/2018, bị hại Dương Mộng T3 có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004129 ngày 26/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 98.020.000đ.

8. Ngày 28/11/2018, bị hại Nguyễn Thùy G có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004128 ngày 26/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 66.900.000đ.

9. Ngày 29/11/2019, bị hại Đinh Thị Huỳnh G1 có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004141, ngày 28/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 100.000.000đ.

10. Ngày 29/11/2018, bị hại Ngô Thị T2 có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004130 ngày 26/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 45.000.000đ.

11. Ngày 29/11/2018, bị hại Châu Thị C1 có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004144, ngày 28/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 172.000.000đ.

12. Ngày 28/11/2018, bị hại Phan Thị D Đại diện cho ông Lâm Văn T4 có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004149, ngày 28/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 413.000.000đ.

13. Ngày 28/11/2018, bị hại Lâm Như Y có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004147, ngày 28/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 101.000.000đ.

14. Ngày 03/12/2018, bị hại Lê Thúy H có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004150, ngày 28/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 55.000.000đ.

15. Ngày 29/11/2018, bị hại Huỳnh Thị Phô có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004151, ngày 28/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 155.000.000đ.

16. Ngày 28/11/2018, bị hại Phan Thị C có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004133 ngày 26/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 66.900.000đ.

17. Ngày 28/11/2018, bị hại Huỳnh Thị T7 có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004132 ngày 26/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 66.000.000đ.

18. Ngày 29/11/2018 bị hại Trần Thị N1 có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004131 ngày 26/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 36.500.000đ.

19. Ngày 28/11/2018, bị hại Võ Thị H2 có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004118, ngày 25/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 367.500.000đ.

20. Ngày 29/11/2018, bị hại Ngô Văn N2 có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004144, ngày 28/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 94.750.000đ.

21. Ngày 29/11/2018 bị hại Trần Văn D có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004142, ngày 28/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông

Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại tiền cho ông.

22. Ngày 28/12/2018, bị hại Bùi Văn N1 có đơn kháng cáo (Biên lai dự nộp án phí số 0004143, ngày 28/12/2018): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 175.000.000đ.

23. Ngày 29/11/2018, bị hại Phạm Thị N1 có đơn kháng cáo (không dự nộp án phí): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 191.000.000đ.

24. Ngày 27 và 29/11/2018, bị hại Đỗ Chí T1 có đơn kháng cáo (không dự nộp án phí): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 136.000.000đ.

25. Ngày 28/11/2018, bị hại Đỗ Minh T có đơn kháng cáo (không dự nộp án phí): Đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo. Hành vi lừa đảo của bị cáo có sự câu kết với ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N chưa được làm rõ. Yêu cầu buộc ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N trả lại số tiền 116.020.000đ.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Trúc L, các bị hại đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T5 Cà Mau tham gia phiên tòa đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự; hủy bản án sơ thẩm số 33/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện U, để điều tra, lại theo thủ tục chung. Do đề nghị hủy án nên không xem xét kháng cáo của bị cáo và các bị hại.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại và các bị hại tranh luận đề nghị hủy án sơ thẩm.

Bị cáo tranh luận và nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bản án sơ thẩm số 33/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện U áp dụng khoản 3 Điều 139 Bộ luật hình sự (1999) xử phạt bị cáo Trần Trúc L 07 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; buộc bị cáo Trần Trúc L cùng chồng là Hồng Minh N liên đới trả cho 28 bị hại tổng số tiền chiếm đoạt là 161.300.000 đồng. Sau khi án sơ thẩm xử, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại số tiền đã trả xong cho các bị hại Đinh Thùy N, Phan Văn S, Võ Văn T, Võ Thúy P, Đinh Thị Huỳnh G1. Các bị hại (25 người) kháng cáo cùng yêu

cầu tăng hình phạt đối với bị cáo; xem xét vai trò đồng phạm và trách nhiệm liên đới của ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, anh Hồng Minh N trong việc chiếm đoạt và trả lại tiền hội bị cáo còn nợ 3.816.430.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ ngày 01/4/2012 (âl) đến ngày 06/01/2014 (âl), Trần Trúc L làm chủ 07 dây hội, loại hội từ 1.000.000đ đến 5.000.000đ/chân, mỗi tháng khai 01 lần bằng hình thức bỏ thăm cao được hốt. Chủ hội được hưởng huê hồng 50% tiền của 01 chân hội mỗi kỳ khai và có nhiệm vụ gom hội giao tiền cho người hốt trong thời gian 10 ngày sau khai hội. Lợi dụng các dây hội có nhiều hội viên tham gia, Trần Trúc L nhiều lần thực hiện hành vi tự ý lấy tên hội viên bỏ thăm hốt 03 chân hội ở 03 dây hội: Loại hội 3.000.000 đồng mở ngày 25/10/2012; loại hội 5.000.000 đồng mở ngày 09/02/2013; loại hội 5.000.000 đồng mở ngày 15/11/2013; chiếm đoạt số tiền theo Cáo trạng truy tố 206.270.000 đồng, theo Án sơ thẩm xét xử 169.000.000 đồng; đưa tên không hội viên vào các dây hội bỏ thăm hốt 04 chân hội ở 03 dây hội: Loại hội 5.000.000 đồng mở ngày 01/4/2012; loại hội 1.000.000 đồng mở ngày 07/5/2012; loại hội 3.000.000 đồng mở ngày 04/6/2013; chiếm đoạt số tiền theo Cáo trạng truy tố 75.350.000 đồng, theo Án sơ thẩm xét xử 147.220.000 đồng. Tổng số tiền Cáo trạng truy tố bị cáo chiếm đoạt 281.620.000 đồng, Án sơ thẩm xét xử 316.220.000 đồng. Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn xác định Trần Trúc L có hành vi mua bán một số chân hội, mượn hội của các hội viên hốt hội chưa thanh toán là giao dịch dân sự nên không đề cập giải quyết.

[3] Xét hành vi của Trần Trúc L làm chủ hội nhưng có hành vi gian dối tự ý lấy tên hội viên bỏ thăm hốt hội và dùng tên hội viên không hốt hội chiếm đoạt tiền của các hội viên bỏ thăm là vi phạm pháp luật hình sự, chiếm đoạt tài sản pháp luật tài sản người khác. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” như cấp sơ thẩm truy tố, xét xử là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm, thiếu sót như sau:

[3.1] Về tố tụng:

Cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia tố tụng của người bị hại ở một số trường hợp là chưa đúng. Cụ thể: Viện kiểm sát truy tố xác định 53 bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử xác định 78 bị hại. Trong đó có người bị chiếm đoạt tài sản không đưa tham gia tố tụng tư cách bị hại (Phan Thị D, Trần Thị N1), người không bị chiếm đoạt tài sản được tham gia tố tụng tư cách bị hại (Ngô Thúy L). Từ đó dẫn đến người không là bị hại vẫn được cấp sơ thẩm chấp nhận cho kháng cáo tư cách bị hại.

Việc tổng đạt bản án và thực hiện thủ tục kháng cáo của cấp sơ thẩm có sai sót như: Nhiều trường hợp tổng đạt bản án trễ hạn. Nhiều bị hại có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, kháng cáo sau 15 ngày kể từ ngày tuyên án là quá hạn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho kháng cáo, không làm rõ lý do kháng cáo quá hạn là thực hiện chưa đúng thủ tục kháng cáo. Một số bị hại kháng cáo, có đơn xin miễn dự nộp án phí phúc thẩm, không nêu lý do, chưa đúng quy định vẫn được cấp sơ thẩm chấp nhận cho kháng cáo.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền là 281.620.000 đồng (gồm hành vi tự ý lấy tên hội viên bỏ thăm hốt chiếm đoạt 206.270.000 đồng; đưa tên hội viên không vào hốt hội chiếm đoạt 75.350.000

đồng). Án sơ thẩm xét xử quy kết số tiền bị cáo chiếm đoạt 316.220.000 đồng (gồm hành vi tự ý lấy tên hội viên bỏ hốt chiếm đoạt 169.000.000 đồng; đưa tên hội viên không vào hốt hội chiếm đoạt 147.220.000 đồng) là vượt quá phạm vi truy tố của Viện kiểm sát, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về giới hạn xét xử.

[3.2] Về nội dung:

Cấp sơ thẩm chưa điều tra đầy đủ, toàn diện, đối chiếu, đối chất lời khai của bị cáo với các bị hại để làm rõ từng dây hội bị cáo tự ý bỏ hốt và lấy tên không bỏ hốt bao nhiêu lần, bao nhiêu chân, hốt ở kỳ thứ mấy, số tiền chiếm đoạt từng lần hốt hội, của từng hội viên là bao nhiêu. Từ đó, dẫn đến cách tính số tiền hốt hội ở từng lần chiếm đoạt đối với các bị hại của cấp sơ thẩm giữa Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án không thống nhất nhau. Các hội viên và bị cáo khai tiền bỏ hốt hội, tiền thực tế nộp vào đóng hội không thống nhất nhưng chưa được đối chất từng người, từng dây hội để làm rõ những ai đã hốt, hốt kỳ nào, số tiền chân sống phải đóng bao nhiêu. Vấn đề này liên quan trực tiếp đến việc xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt, ảnh hưởng đến việc xác định chính xác tội danh, khung hình phạt và mức phạt cũng như về trách nhiệm bồi thường dân sự của bị cáo.

Những lần hốt hội bị cáo khai mượn hội của các hội viên, cáo trạng và bản án xác định khác nhau; chưa làm rõ mượn trước hay sau khi đã hốt hội, vì nếu tự hốt hội sau thỏa thuận mượn nợ là có sự chiếm đoạt. Các chân hội mua bán, giữa bị cáo và các hội viên (người mua, người bán) khai không thống nhất, có trường hợp chân hội đã hốt rồi bị cáo bán lại cho người khác cũng chưa đối chất làm rõ có hay không dấu hiệu chiếm đoạt.

Cách tính tiền chiếm đoạt ở các dây hội về số chân hội chưa hốt, các chân hội đã hốt, số tiền bị cáo phải bỏ ra lấp hội, tiền các hội viên không đóng hội cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo để tổng hợp và đối trừ quy kết số tiền bị cáo chiếm đoạt có trường hợp mâu thuẫn, trùng lặp, chưa chính xác.

Theo bị cáo khai dây hội mở ngày 04/6/2013 bị cáo tự ý lấy tên Luân (chê Két) hốt được 55.000.000 đồng và trước khi bỏ trốn (tháng 6/2014 âm), các dây hội đều được hội viên bỏ hốt, bị cáo gom tiền đóng hội không giao cho người được hốt mà bỏ trốn. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ hai vấn đề trên để kết luận bị cáo có chiếm đoạt tiền của các bị hại ở hành vi này hay không.

Đối với việc bị cáo khai có nhiều hội viên hốt hội, không nộp hội chết chưa được cấp sơ thẩm làm rõ để chứng minh bị cáo có bỏ tiền ra để lấp vào các chân hội của các hội viên này không, nếu có là bao nhiêu, từ đó có cơ sở kết luận bị cáo chiếm đoạt tổng số tiền bao nhiêu. Chưa làm rõ bị cáo sử dụng tiền chiếm đoạt vào việc gì, mua những tài sản nào, hiện nay ai quản lý để có biện pháp kê biên, quản lý đảm bảo thu hồi thanh toán nợ cho các bị hại.

Đối với vai trò liên quan của ông Trần Văn Q, bà Nguyễn Thị H, ông Hồng Minh N có hay không việc rủ các hội viên tham gia chơi hội, tham gia gom hội, cam kết có tài sản đảm bảo thanh toán cho bị cáo trong trường hợp bẻ hội; cũng như những người này có biết việc bị cáo gian dối chiếm đoạt hay không, có cùng sử dụng tiền chiếm đoạt mua tài sản không, để xem xét có vai trò đồng phạm hoặc có cùng chịu trách nhiệm dân sự với bị cáo hay không.

Cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ, không làm rõ số tiền thực tế các hội viên đóng vào ở từng chân hội chưa được hốt bị cáo còn nợ mỗi người bao nhiêu để xử lý cùng vụ án, buộc bị cáo có nghĩa vụ dân sự trả lại cho từng bị hại; cũng không tách ra để các bị hại có quyền khởi kiện theo thủ tục dân sự đối với các trường hợp bị hại vắng mặt ở địa phương không làm việc được.

[4] Từ các thiếu sót, vi phạm trên của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không thể bổ sung làm rõ được tại phiên tòa, do đó cần hủy bản án sơ thẩm số 33/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện U để giao hồ sơ về cấp sơ thẩm điều tra giải quyết lại từ đầu theo thủ tục chung.

[5] Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung, yêu cầu kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của các bị hại tại bản án này.

[6] Bị cáo và các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị hại có dự nộp án phí phúc thẩm được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b, c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 33/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện U đã xử đối với bị cáo Trần Trúc L.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân huyện U để thụ lý, điều tra, giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

3. Án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm bị cáo không phải chịu. Các bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm, đã dự nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện U;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U;
- Tòa án nhân dân huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Trọng Nhân